

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 557/SNN-TTBVTV ngày 16/4/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 115 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 20/4/2020 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định*), do Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng. Các thành viên Hội đồng gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Kinh tế- Ngân sách (HĐND tỉnh); Hội Luật gia tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Ngày 22/4/2020, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp và cho ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết<sup>1</sup>. Trên cơ sở kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định và kết quả nghiên cứu độc lập, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 109/2018/NĐ-CP*);
- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

#### **II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

---

<sup>1</sup> Văn phòng UBND tỉnh vắng họp thẩm định.

## 1. Sự cần thiết ban hành chính sách

Điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định:

*“... b) Ngân sách địa phương hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được ủy quyền phê duyệt và hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ tại địa phương theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này<sup>2</sup>. Trường hợp cần thiết, tùy theo điều kiện thực tế, trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này”.*

Căn cứ quy định nêu trên, để khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, hợp vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh thì việc tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ngoài các chính sách đã được quy định tại Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP là cần thiết.

**2. Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng nghị quyết**

Qua nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết nhận thấy đề nghị xây dựng nghị quyết đưa ra một số chính sách trùng với một số chính sách đã được quy định Nghị định số 109/2018/NĐ-CP (như: (1) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; (2) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, chứng nhận sản phẩm hữu cơ; (3) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ) nhưng có sự giới hạn về “quy mô” và giới hạn “số tiền hỗ trợ”, quy định này tạo ra sự chưa hợp lý, thiếu bình đẳng giữa các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, giảm hiệu quả, hấp dẫn của chính sách thu hút, như: Cùng là dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quy mô của Doanh nghiệp A là **05 ha**, chi phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ của Doanh nghiệp A là **50 triệu đồng**; quy mô của Doanh nghiệp B là **50 ha**, chi phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ của Doanh nghiệp A là **300 triệu đồng** nhưng theo Điều 3 đề cương nghị quyết “Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ **không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân**” thì cả 02 Doanh nghiệp đều được hưởng mức hỗ trợ bằng nhau là **50 triệu đồng**;

---

<sup>2</sup> Điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định: “b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại)”.

theo điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP<sup>3</sup> thì HĐND tỉnh chỉ ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này; một số chính sách được đề xuất tại hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (như: (1) Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư, (2) Hỗ trợ xúc tiến thương mại) đã được quy định tại một số nghị quyết quy phạm pháp luật của tỉnh<sup>4</sup>. Theo khoản 2 Điều 16 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP<sup>5</sup>, thì cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành, trong cùng thời điểm và mục tiêu, cơ sở chỉ được lựa chọn 01 chính sách phù hợp nhất.

Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, **không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác**”.

Như vậy, đề nghị xây dựng nghị quyết quy định lại các chính sách đã được quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP và trong các nghị quyết quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh là chưa phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Từ các vấn đề nêu trên, đề nghị không quy định lại những nội dung, chính sách đã được quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP; đồng thời rà soát toàn bộ các chính sách HĐND tỉnh đã ban hành để xác định được chính sách hỗ trợ cụ

---

<sup>3</sup> Điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định: “... Trường hợp cần thiết, tùy theo điều kiện thực tế, trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định ban hành **chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài các chính sách quy định tại Nghị định này**”.

<sup>4</sup> Như: Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2020 Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết 09/2019/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021...

<sup>5</sup> Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP quy định:

“2. **Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành:**

a) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

b) Chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp; chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

c) Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch;

d) Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong nuôi trồng, khai thác dược liệu;

đ) Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu;

e) Chính sách hỗ trợ gắn Nhân xanh Việt Nam, hỗ trợ cơ sở thân thiện với môi trường;

g) Các chính sách có liên quan khác;

**h) Trong cùng thời điểm và mục tiêu, cơ sở chỉ được lựa chọn 01 chính sách phù hợp nhất quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản này”.**

thể của tỉnh ngoài các chính sách đã quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành; khi đã hình thành được chính sách của tỉnh, cần làm rõ trình tự, thủ tục thực hiện chính sách cho phù hợp với pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định còn thiếu văn bản tham gia ý kiến của: (i) Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan ở trung ương; (ii) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; (iii) Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP<sup>6</sup>.

### **3. Kết luận**

Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết tiếp thu ý kiến nêu tại mục 1, mục 2 Phần II Báo cáo này; hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT, XDKTTHPL&PLGDPL.  
Loan.4b.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thuộc**

---

<sup>6</sup> Khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“3. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến.

4. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến”.